TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HS-PT
Ngày: 23-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần
Ông Nguyễn Văn Bằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLPT-HS, ngày 13 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo Lê Ngọc Đ, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2020/HS-ST, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Ngọc Đ** (Tên gọi khác: T); giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1990, tại tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKNKTT: Phường N, thị xã N1, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 12/12; tiền án: Không; tiền sự: Không; con ông Lê Đ1, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1959, hiện trú tại: Phường N, thị xã N1, tỉnh Đắk Nông; bị cáo có vợ là Lý Thanh T2, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017, hiện đều trú tại: Phường N, thị xã N1, tỉnh Đắk Nông.

Nhân thân: Ngày 25/5/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã N1, tỉnh Đắk Nông, xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, kết án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 15 tháng (Tại bản án số: 18/2007/HSST). Bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, thực hiện hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 25 tháng 6 năm 2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 25 tháng 6 năm 2019, cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1999; địa chỉ: Xã C, huyện R, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc Đ và Nguyễn Ngọc Q (Sinh năm 1989; trú tại: Thôn 5, xã Quảng Tâm, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông), là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Trong thời gian quen biết thì Đ mượn của Q số tiền: 5.000.000 đồng và thông qua Q mượn người bạn của Q (Không rõ nhân thân, lai lịch) số tiền: 11.000.000 đồng. Vào ngày 23/5/2019, Lê Ngọc Đ nảy sinh ý định thuê xe ô tô của người khác rồi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia gắn số thuê bao 0988994579 và 0982977223 gọi điện nhờ Q tìm thuê giúp cho Đ 01 chiếc xe ô tô. Khi gọi điện Đ chỉ nói với Q nhờ thuê xe rồi cùng đi thành phố B, thì Đ sẽ trả tiền nợ cho Q. Q đồng ý và nhắn tin số điện thoại của anh Nguyễn Đình L (Sinh năm 1999; trú tại: Xã C, huyện R, tỉnh Đắk Nông), là người lái xe dịch vụ để cho Đ liên lạc. Đ gọi điện thoả thuận thuê anh L chở Đ từ huyện R, tỉnh Đắk Nông đến thành phố B, với giá thuê xe là: 1.300.000 đồng/ngày, thì anh L đồng ý. Sau đó, anh L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu sơn trắng, biển số 4xA- 071.xx đi đến huyện R, tỉnh Đắk Nông, đón Đ rồi đi đến huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, đón Q cùng đi đến thành phố B. Do không có tiền nên Đ tiếp tục vay của Q số tiền: 5.000.000đồng, để chi phí cho việc đi lại. Trên đường đi đến trung tâm huyện M, tỉnh Đắk Nông, thì đón thêm 02 người phụ nữ là bạn của Q, tên T4 và T5 (Không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi đến thành phố B, cả nhóm thuê phòng nghỉ tại khách sạn HL, địa chỉ: phường A, thành phố B, nghỉ lại. Đến khoảng 15 giờ ngày 24/5/2019, Đ nói dối với anh L là cho Đ mượn xe ô tô để chở T4 và T5 đi mua đồ. Đ nói chỉ mượn khoảng 30 phút rồi mang xe về trả, nên anh L tin tưởng và đồng ý giao chiếc xe ô tô biển số 4xA- 071.xx cho Đ. Thấy anh L cho mượn xe ô tô, Đ liền gọi điện thoại cho anh Lê Đình L1 (Sinh năm 1991; trú tại: Phường I, thành phố B), là người quen của Đ thoả thuận về việc cầm cố xe ô tô của anh L cho L1, thì L1 đồng ý và hẹn Đ đến quán cà phê LA, địa chỉ: Phường L2. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô biển số 4xA-071.xx đi đến khu vực đường K, thành phố B, thì dừng lại nói T4 và T5 xuống xe, còn Đ một mình điều khiển xe ô tô đi đến quán cà phê LA. Tại đây, Đ nói với

anh L1 cho Đ thế chấp chiếc xe ô tô biển số 4xA- 071.xx, để vay tiền. Anh L1 hỏi nguồn gốc xe, thì Đ nói dối là xe của Đ mua của người khác nhưng do xe đang thế chấp tại ngân hàng, nên chưa sang tên cho Đ được và nói sẽ viết giấy mua bán xe ô tô cho anh L1 để làm tin. Anh L1 đồng ý cho Đ vay số tiền 100.000.000 đồng và gọi điện cho bạn là Đặng Hữu Đ, đến nhờ đứng tên là người mua xe ô tô với Đ. Sau khi cầm cố chiếc xe ô tô biển số 4xA- 071.xx, cho anh L1 được số tiền 100.000.000 đồng, Đ về lại khách sạn và nói dối với anh L là xe ô tô đã cho bạn mượn hẹn đến 22 giờ cùng ngày sẽ trả, nhưng anh L không đồng ý mà yêu cầu Đ phải mang xe về trả cho anh L. Sau đó, lợi dụng anh L không để ý Đ đã bỏ trốn khỏi khách sạn HL. Khoảng 01 tuần sau, Đ hẹn anh L1 đến quán cà phê tại địa chỉ: phường L2, thành phố B, vay thêm của anh L1 số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay tiền Đ tiếp tục viết 01 giấy mua bán xe ô tô thể hiện việc Đ bán chiếc xe ô tô biển số 4xA- 071.xx cho anh Đặng Hữu Đ (Bạn của L1) với số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm này anh Đặng Hữu Đ không có mặt nên anh L1 ký tên trong giấy mua bán xe là người làm chứng. Đ đưa tờ giấy mua bán xe này cho anh L1 cất giữ, còn giấy mua bán xe trước đó Đ lấy lại và xé bỏ. Số tiền có được từ việc chiếm đoạt chiếc xe ô tô của anh L, Đ lấy 21.000.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Ngọc Q và bạn của Q, còn lại Đ đã tiêu xài cá nhân và chơi Game bắn cá hết. Ngày 24/6/2019, khi Đ đang bỏ trốn tại thị xã X, tỉnh Bình Phước, thì bị ông Nguyễn Đình N2 (sinh năm 1976, là cha ruột của anh Nguyễn Đình L), phát hiện đưa về Cơ quan điều tra làm việc. Quá trình điều tra anh Lê Đình L1 tự nguyện giao nộp: 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu sơn trắng, biển số 4xA- 071.xx (số khung: G4FGJH605835, số máy: 41M6JC133478) và bà Vũ Thị L3 (Sinh năm 1963, là chủ khách sạn HL), tự nguyện giao nộp: 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 245179725, do Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01 tháng 8 năm 2013 ghi tên Lê Ngọc Đ, cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 204/KLĐG, ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu sơn trắng, biển số 4xA-071.xx (Số khung: G4FGJH605835, số máy: 41M6JC133478), năm sản xuất 2018, đã qua sử dụng; trị giá: 460.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2020/HS-ST, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 260, Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc Đ (Tên gọi khác: T) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc Đ (Tên gọi khác: T) 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 6 năm 2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2020 bị cáo Lê Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Ngọc Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử bị cáo Lê Ngọc Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo Lê Ngọc Đ mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Ngọc Đ – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2020/HS-ST, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Ngọc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại địa bàn thành phố B, bị cáo Lê Ngọc Đ đã có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu sơn trắng, biển số 4xA-

071.xx là tài sản của ông Nguyễn Đình N2 giao cho con ruột là anh Nguyễn Đình L quản lý, sử dụng thì bị phát hiện xử lý. Xác định trị giá tài sản bị cáo Lê Ngọc Đ đã chiếm đoạt là: 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Ngọc Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều của 174của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Ngọc Đ:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo Lê Ngọc Đ là có phần nghiêm khắc với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc Đ – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2020/HS-ST, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Điều 260, Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Đ (Tên gọi khác: T): 07 (Bảy) năm tù, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 25 tháng 6 năm 2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. B;
- Công an Tp. B;
- VKSND Tp. B;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự Tp. B;
- THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn